**Tiết 73+74:**

**TRI THỨC NGỮ VĂN**

**ĐỌC VB 1: TỰ HỌC – MỘT THÚ VUI BỔ ÍCH**

**I. Mục tiêu**

**1.1. Kiến thức**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống

- Chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống trong văn bản; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

**1.2. Năng lực**

***a. Năng lực chung:*** Khả năng giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực riêng biệt:***

- Năng lực thưởng thức văn học/ cảm thụ thẩm mĩ

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt

**1.3*.* Về phẩm chất*:***

- Chăm chỉ, có trách nhiệm với việc học, có ý thức tự học.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**2.1. Giáo viên:**

- Giáo án;

- Máy chiếu, máy tính

- Phiếu bài tập.

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2.2. Học sinh:**

SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III.Tiến trình dạy học**

**3.1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho HS xem một clip về việc tự học (có thể gửi cho HS xem trước ở nhà – vì clip khá dài)

Link: <https://www.youtube.com/watch?v=fPGym2U0iPY>

Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Thế nào là tự học?

? Theo em, việc tự học có gì thú vị?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cởi mở, thân thiện những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- GV động viên, khuyến khích HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: HS chia sẻ suy nghĩ, trả lời.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**3.2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

| **A. TRI THỨC NGỮ VĂN** | |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống  **b. Nội dung hoạt động:**  **-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về khái niệm và đặc điểm của văn bản nghị luận về 1 vấn đề đời sống (nghị luận xã hội).  - HS trả lời, hoạt động cá nhân  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Làm việc cá nhân.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *Đọc nhanh mục Tri thức ngữ văn – Nghị luận xã hội (SGK/Tr 5) và cho biết:*  ? VB nghị luận về một vấn đề đời sống viết ra để làm gì?  Hoàn thành bài tập điền từ còn thiếu và chỗ trống    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  Hs trao đổi theo cặp trong bàn, nhớ lại kiến thức, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời câu hỏi và hoàn thành bài tập  HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức | **1. Khái niệm**  Văn bản nghị luận về 1 vấn đề đời sống (nghị luận xã hội) được viết ra để bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, hay một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người.  2. Đặc điểm  Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống có những đặc điểm sau:  - Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với hiện tượng, vấn đề cần bàn luận.  - Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. Bằng chứng có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu liên quan đến vấn đề cần bàn luận.  - Ý kiến lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. |

**Hoạt động 3.2.2: Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **B. VB: TỰ HỌC – MỘT THÚ VUI BỔ ÍCH** | |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Biết được một số nét khái quát về tác giả, xuất xứ của tác phẩm.  - Biết được những nét chung của văn bản: thể loại, phương thức biểu đạt.  **b. Nội dung hoạt động:**  **-** Tiến hành đọc văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích”.  - Nêu được các nét chung về tác giả, xác định được xuất xứ, thể loại....  **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1. Tìm hiểu tác giả**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS trao đổi cặp đôi với bạn cùng bàn về PHT1 (GV đã giao về nhà chuẩn bị từ tiết trước)  *? Giới thiệu đôi nét về tác giả* *Nguyễn Hiến Lê?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  GV:  - Nhận xét thái độ làm việc HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **1. Tác giả**  Tiểu sử và cuộc đời học giả Nguyễn Hiến Lê – ECCthai  - Nguyễn Hiến Lê (1912 – 1984)  - Quê : Sơn Tây (Ba Vì – Hà Nội)  - Ông là một tác giả, dịch giả, nhà giáo dục, nhà văn hoá với nhiều tác phẩm sáng tác, biên soạn, dịch thuật nhiều lĩnh vực khác nhau. |
| **N.vụ 2. Tìm hiểu chung về tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *+ GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản*  ? Nêu xuất xứ của văn bản?  ? Văn bản thuộc thể loại nào?  ? Xác định phương thức biểu đạt chính?  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **2. Tác phẩm**  ***a. Đọc – hiểu chú thích***  ***b. Tìm hiểu chung:***  - Trích từ tác phẩm *Tự học – một nhu cầu thời đại*  - Thể loại: văn nghị luận  - PTBĐ: nghị luận  - Bố cục: 2 phần  + Nêu vấn đề: Từ đầu -> …*một cái thú.*  + Giải quyết vấn đề: Còn lại |
| **PHT 1**   |  |  | | --- | --- | | NHIỆM VỤ | NỘI DUNG | | 1. Giới thiệu đôi nét về tác giả? |  | | 2. Nêu xuất xứ của văn bản? |  | | 3. Văn bản thuộc thể loại nào? |  | | 4. Xác định phương thức biểu đạt chính? |  | | 5. Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? |  | | |
| **II. Suy ngẫm và phản hồi** | |
| **1. Nêu vấn đề** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Hiểu được mục đích của văn bản Tự học – một thú vui bổ ích  **b. Nội dung hoạt động:**  **-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, kĩ thuật động não để tìm hiểu về mục đích của văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích”  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *+ VB nghị luận viết ra nhằm mục đích gì?*  *+ VB Tự học – một thú vui bổ ích viết ra nhằm thuyết phục chúng ta về điều gì*  *+ Tác giả đã nêu vấn đề như thế nào?*  *+ Em có nhận xét gì về cách nêu vấn đề ấy?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ trả lời câu hỏi  - GV gợi mở (nếu cần)  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin và chuyển dẫn sang đề mục sau. | - VB nghị luận được viết ra nhằm mục đích thuyết phục người đọc về ý kiến, quan điểm của người viết.  - VB *Tự học*… được viết ra để thuyết phục người đọc về lợi ích của việc tự học.  => Nêu vấn đề trực tiếp, ngắn gọn, xúc tích |
| **2. Giải quyết vấn đề** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết và chỉ ra mối liên giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT khăn phủ bàn tìm hiểu ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng trong VB  HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm  **c. Sản phẩm:** HS hoàn thành phiếu học tập số 2  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp  - GV chuyển giao nhiệm vụ: yêu cầu HS đọc vă bản, gạch chân những ý chính trong đoạn văn. Thảo luận theo nhóm theo PHT 2, chỉ rõ những lí lẽ và dẫn chứng được tác giả nêu trong văn bản?  Câu hỏi gợi dẫn:  + *Chỉ ra các câu văn nêu ý kiến, các câu văn nêu lí lẽ, dẫn chứng trong VB?*  + HS đọc lại đoạn cuối của VB:  *? Chỉ ra những bằng chứng trong đoạn trích này?*  *? Em có nhận xét gì về những bằng chứng này?*  *? Vì sao những bằng chứng này có thể làm tăng sức thuyết phục cho đoạn trích?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | ***a. Ý kiến 1:*** *Thú tự học giống thú đi bộ*  - Lí lẽ: Tự học giúp người học hình thành tri thưc một cách tự chủ, tự do  - Dẫn chứng: Biết được viên *Dạ Minh Châu*, khúc *Nghệ thường vũ y*, kiến thức về côn trùng…  ***b. Ý kiến 2:*** *Thú tự học là phương thuốc chữa bệnh âu sầu*  - Lí lẽ: Việc đọc sách giúp ta cảm thấy đồng cảm, an ủi  - Bằng chứng: Bệnh nhân biết đọc sách mau lành bệnh hơn, quá trình đọc sách của Mon-ti Mông-te-xki-ơ  ***c. Ý kiến 3:*** *Tự học là thú vui tao nhã giúp nâng tầm tâm hồn ta lên*  - Lí lẽ: Tự học giúp ta tiến bộ, có thể cống hiến cho xã hội  - Bằng chứng:  + Thầy kí, bác nông phu nhờ tự học mà giỏi nghề, cống hiến -> những người tiêu biểu, quen thuộc trong đời sống -> khẳng định dù bất kì ai chỉ cần tìm tòi, học tập thì sẽ tiến bộ và có thể cống hiến cho xã hội  + Những tấm gương nhà khoa học tự học…  -> những người có sức ảnh hưởng  => Nhiều người biết, đáng tin cậy, số đông thừa nhận nên những bằng chứng này có tác dụng làm rõ cho ý kiến của người viết, dễ dàng được người đọc tin tưởng, tiếp nhận. |
| **PHT 2**  **VẤN ĐỀ CẦN BÀN LUẬN**  **Thú vui tự học**  Ý kiến 1  …………………..  Ý kiến 2  ……………………  Ý kiến 3  ……………….  ……….  Lí lẽ…………..  Dẫn chứng………..  Lí lẽ…………..  Dẫn chứng………...  Lí lẽ……….  Dẫn chứng……….. | |
| **3. Nhận diện đặc điểm VB nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua VB** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống qua văn bản *Tự học – một thú vui bổ ích*  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi  HS suy nghĩ và làm việc cá nhân, nhóm để trả lời câu hỏi của giáo viên.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi  *? Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra Tự học – một thú vui bổ ích là văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào phần tri thức đọc hiểu thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - VB thể hiện thái độ đề cao, đồng tình của người viết với việc tự học  - VB đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để làm rõ cho ý kiến, các lí lẽ, ý kiến được sắp xếp theo trình tự hợp lí ( *trước hết, hơn nữa, quan trọng hơn cả:* tăng dần theo mức độ quan trọng) để người đọc nhận ra các lợi ích của việc tự học |
| **4. Bài học** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong VB.  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi  HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV** nêu tình huống, HS trả lời:  *+ Giả sử một bạn HS chủ động tìm đến thầy cô để được hướng dẫn những vấn đề mà bạn ấy tìm tòi, nghiên cứu ở nhà, thì như thế có được tính là tự học không?*  *+ Theo em, có thể tự học thành công mà hoàn toàn không cần sự trợ giúp của người khác không?*  *+ Theo em, tự học như thế nào để hiệu quả?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Tự học không phải là không cần sự trợ giúp của ai, mà là người học chủ động, tự giác trong việc học của mình, biết lên kế hoạch học tập, chủ động tìm kiếm tri thức và biết tìm sự trợ giúp khi cần thiết để việc học được hiệu quả.  - Tự học hiệu quả:  + Lập kế hoạch và mục tiêu cho việc tự học  + Lựa chọn môn học yêu thích, học xen kẽ các môn yêu thích và môn không thích  + Đặt thời gian học từ ít đến nhiều  + Tham gia vào nhóm, câu lạc bộ tự học để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm  + Chọn cách ghi nhớ riêng : viết lại nhiều lần trên giấy, vẽ sơ đồ hệ thống, đọc to, đọc thầm…  + Kỷ luật khi học  + Thường xuyên tự kiểm tra kiến thức và ôn lại |
| **III. Tổng kết** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi  HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của VB?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Nội dung:**  - VB bàn về lợi ích của tự học từ đó định hướng cho học sinh có tinh thần tự học  **2. Nghệ thuật:**  - Phương thức biểu đạt: nghị luận.  - Các lí lẽ, dẫn chứng rõ ràng, cụ thể. |

**3.3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

**b) Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “ ***Bay lên nào***”

**c) Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

Giáo viên tổ chức trò chơi “Bay lên nào” qua hệ thống câu hỏi:

**Câu 1**: Văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” đưa ra mấy ý kiến?

- 3 ý kiến

**Câu 2**: Dẫn chứng cho ý kiến “*Thú tự học giống thú đi bộ”*?

- Biết được viên *Dạ Minh Châu*, khúc *Nghệ thường vũ y*, kiến thức về côn trùng…

**Câu 3**: Vì sao bằng chứng “Thầy kí, bác nông phu nhờ tự học mà giỏi nghề, cống hiến” lại làm tăng sức thuyết phục cho đoạn trích?

**-** Họ là những người tiêu biểu, quen thuộc trong đời sống

D. Vì họ là những người có sức ảnh hưởng lớn

**Câu 4**: VB *Tự học – một thư vui bổ ích* viết ra nhằm mục đích gì?

**-** Thuyết phục người đọc về lợi ích của việc tự học.

**Câu 5.** “Bệnh nhân biết đọc sách mau lành bệnh hơn” là dẫn chứng cho ý kiến nào?

*- Thú tự học là phương thuốc chữa bệnh âu sầu*

**Câu 6**: Văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” thuộc thể loại gì?

- Văn nghị luận

**Câu 7.** Nội dung chính của văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” là gì?

- VB bàn về lợi ích của tự học từ đó định hướng cho học sinh có tinh thần tự học

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tham gia trò chơi

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:**

GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

**3.4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

? Viết một đoạn văn nêu suy nghĩ của em về vấn đề tự học của bản thân mình?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản

**HS** đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

**IV. Hướng dẫn tự học:**

1. Bài vừa học:

- Về học kĩ nội dung của bài học .

- Hoàn thành bài tập vận dụng .

2. Bài sắp học: Đọc, chuẩn bị trước bài “Bàn về đọc sách”.